

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 05 /2021/DS-PT

Ngày: 15-01-2021

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:* Bà Dương Thị Thanh Hiền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 35/TB-TA ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Chu Thị N, sinh năm 1945; trú tại: Số A5/4 đường 385, khu phố 2, phường Tăng Nhơn P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Viết V, sinh năm 1943; trú tại: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Viết C, sinh năm 1937

Trú tại: Xóm Bình Tiến, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Anh Trần Huy L, sinh năm 1976; trú tại: Xóm Bình T, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố Mỹ Thạnh T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Trần Viết V, sinh năm 1943; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 53 Hải Thượng Lãn Ông, Khối phố 14, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Phòng 1406N01C, chung cư Goldenland, 275 đường N, phường T, quận T, Hà Nội. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943; Địa chỉ: Số 57 đường Hec Man, khối Y, phường H, thành phố V - Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Trần Xuân A, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 55 đường Lê Văn H, phường Khuê M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Trần Viết T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà A5/4, đường 385 khu phố 2, phường Tăng Nhơn P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Minh L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà 03, đường Sương Nguyệt Á, phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Mỹ B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà A5/4, đường 385 khu phố 2, phường Tăng Nhơn P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khối phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khối phố Bà, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khối phố Bàn T, phường , thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1939; Địa chỉ: Xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

- Anh Trần Huy L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm Bì, xã T L H, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Anh S, ông T, chị H, chị H, ông A, anh T, chị L, chị B, đã có văn bản ủy quyền cho ông Trần Viết V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L: Ủy quyền cho anh Trần Huy L, địa chỉ: Xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh làm đại diện.

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt H – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh: *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã T L H. Vắng mặt.

Người Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình K – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T L H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Chu Thị N đề ngày 02/12/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Viết V trình bày:

Bà Chu Thị N là vợ của ông Trần Viết G con trai của cụ Trần Viết T. Sinh thời cụ Trần Viết T có 02 đời vợ: Đời vợ thứ nhất cụ Túy kết hôn với cụ Nguyễn Thị P từ trước năm 1939 và sinh được 02 người con là ông Trần Viết C và ông Trần Viết G (Chết năm 2001). Ông G có hai người vợ, vợ đầu là bà Trần Thị T (đã ly hôn năm 1970) có con là anh Trần Xuân A, vợ hai là bà Chu Thị N và có 03 người con là Trần Viết T, Trần Thị Minh L và Trần Thị Mỹ B.

Tháng 02 năm 1939, cụ Nguyễn Thị P chết, năm 1940 cụ Túy kết hôn với cụ Dương Thị H (tên gọi khác là Dương Thị O) và sinh được 04 người con gồm: Ông Trần Viết N (Liệt sĩ chưa có vợ con), ông Trần Viết V, bà Trần Thị H (Chết năm 1987) có chồng là Nguyễn Văn T và 02 người con là Nguyễn Thị Lê H và Nguyễn Thị Lê H; Bà Trần Thị T (Chết năm 2019) bà T có chồng Phạm Tùng K (Chết năm 1994) và có 02 người con là Phạm Thanh S và Phạm Thị H (Chết năm 2013), chị H có chồng là Nguyễn Hồng T và 02 người con là Nguyễn Thị Hồng T và Nguyễn Thị Hồng Th.

Vào năm 1979, cụ Trần Viết T qua đời, cụ Dương Thị H sống một mình trên diện tích đất nói trên đến ngày 04/02/1993 cụ H ra ở với ông Trần Viết V ở phường N, thành phố H. Trước khi ra ở với ông V, cụ H và ông V có lập một biên bản bàn giao việc trông coi nhà cửa và các ngày kỵ giỗ cho ông Trần Viết C. Vào thời điểm này ông Trần Viết C đã có nhà riêng nên không về ở trên mảnh vườn của bố mẹ. Đến năm 1996 ông C bán nhà và về sinh sống trên mảnh vườn mà các đương sự đang có tranh chấp từ đó đến nay.

Ngày 08/10/1997, cụ Dương Thị H chết, sau khi qua đời cụ T và cụ H có để lại khối di sản gồm 1.701,4m² đất tại xóm B, xã T (nay là xã T L H), huyện T.

Vào năm 2012, các đồng thừa kế khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia khối di sản của cụ T và cụ H để lại. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2012/DSPT, ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã phân chia ½ khối di sản của cụ Dương Thị H để lại tương ứng 850m² đất, trong tổng số 1.701,4m² đất

thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10, bản đồ 371 (Chỉnh lý) thuộc địa phận Xóm Bì, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cho các đồng thừa kế gồm: Ông Trần Viết V, bà Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Lệ H và chị Nguyễn Thị Lệ H được quyền sử dụng. Còn $\frac{1}{2}$ thửa đất tương ứng diện tích $851,9m^2$ phần di sản của cụ Trần Viết T để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế nên Tòa án tạm giao cho bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A quản lý, sử dụng diện tích đất $390,8m^2$; tạm giao cho ông Trần Viết C quản lý, sử dụng diện tích đất $461,1m^2$.

Vào năm 2017, các người con cháu của cụ Trần Viết T cùng đại diện trong họ tộc đã cùng nhau họp bàn thống nhất phân chia tài sản của cụ Trần Viết T để lại, có văn bản và có chứng nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (cũ), nhưng sau đó các bên không thực hiện theo thỏa thuận này và Ủy ban nhân dân xã T cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay bà Chu Thị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố chồng là cụ Trần Viết T để lại cho các đồng thừa kế. Cụ thể, là thửa đất có diện tích $851,9m^2$ tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10, bản đồ 371(chỉnh lý), địa chỉ: tại Xóm Bì, (xã T cũ) nay là xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Về nghĩa vụ tài sản: Cụ Trần Viết T chết không để lại nghĩa vụ tài sản gì.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Huy L trình bày:*

Bị đơn thừa nhận thời điểm chết của cụ Trần Viết T, các hàng thừa kế và di sản thừa kế là thửa đất có diện tích $851,9m^2$ tại Xóm Bì, xã T L H, huyện T như nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng với thực tế. Phía bị đơn xác định đúng nguồn gốc, diện tích thửa đất tranh chấp là di sản của cụ Trần Viết T để lại và hiện nay đang tạm giao cho ông Trần Viết C, bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A quản lý theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm số 20/2012/DSPT, ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Khi qua đời cụ T không để lại di chúc cũng như không để lại các nghĩa vụ về tài sản.

Vào năm 2017, do nhà cửa xuống cấp, nhu cầu bức thiết của chỗ ở nên gia đình chúng tôi quyết định làm lại nhà thì lại tiếp tục phát sinh tranh chấp. Sau khi xảy ra tranh chấp thì các anh em con cháu của cụ Trần Viết T đã làm một biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của cụ Túy để lại nhưng thỏa thuận đó cũng không được các bên thực hiện. Nay bà N lại tiếp tục làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại. Chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã ủy quyền cho ông Trần Viết V đại diện trình bày:* Chúng tôi hoàn toàn thống nhất như trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ Túy chết, các hàng thừa kế cũng như di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Huy L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L trình bày: Chúng tôi thống nhất như ý kiến của bị đơn về thời điểm chết của cụ Trần Viết T, nguồn gốc di sản thừa kế cũng như các hàng thừa kế mà đại diện của nguyên đơn đã trình bày. Vợ chồng chúng tôi hiện đang sống cùng với bố mẹ, quá trình sống chung do điều kiện hoàn cảnh đang phải nuôi hai con nhỏ nên cũng không có điều kiện về vật chất, công sức đóng góp gì trên mảnh đất này, các công trình xây dựng trên phần đất tạm giao đều do tiền của bố mẹ tôi bỏ ra, chúng tôi chỉ giúp bố mẹ trông coi quản lý thợ, vì thế vợ chồng chúng tôi cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hơn nữa, vợ tôi chị Nguyễn Thị L cũng đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng, mọi quyền lợi trên mảnh đất này đều là của bố mẹ tôi.*

** Kết quả thu thập tài liệu lưu trữ địa chính tại UBND xã T L H liên quan đến thửa đất tranh chấp cho thấy:*

Theo bản đồ địa chính 299: Phần diện tích thửa đất trên thuộc thửa đất số 454, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.492m²; tại trang số 149, quyển số 01, sổ mục kê lập ngày 15/3/1986 thể hiện chủ sử dụng ruộng đất là Nguyễn Thị O, loại đất: Thổ cư; Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất được lập theo Chỉ thị số 299-TTg lập ngày 25/7/1985 mang tên Dương Thị O. Theo bản đồ địa chính 371: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10 có diện tích thửa đất 1.841m²; Tại sổ mục kê ruộng đất thể hiện tên Trần Viết C. Ngày 17/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh đã có quyết định số 4824/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Viết C được cấp theo quyết định số 475/QĐ- UB ngày 20/12/1999, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 (xã T cũ trước khi sát nhập) thuộc thửa đất số 41 và thửa đất số 42, tờ số bản đồ 39.

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của cha ông để lại cho cụ Trần Viết T và cụ Dương Thị H (có tên gọi khác là Dương Thị O). Sau khi cụ Trần Viết T qua đời thì năm 1993 cụ Dương Thị H về ở cùng với gia đình ông Trần Viết V ở thành phố H và cùng năm 1993 ông Trần Viết C về sinh sống trên thửa đất này. Sau khi cụ Dương Thị H mất thì anh em trong gia đình có xảy ra tranh chấp thửa đất.

Sau khi có Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2012/DSPT, ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thì các hộ gia đình trên chưa liên hệ địa phương để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ghi nhận thửa đất trên đến nay chỉ xảy ra tranh chấp anh em trong gia đình. Không có đơn thư hay xảy ra tranh chấp với các hộ liên kề hay ai khác. Nhà nước chưa lần nào thu hồi, giải phóng mặt bằng trên phần diện tích trên.

- Về hạn mức công nhận đất ở và đất vườn: Theo quy định tại Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh thì hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất có nguồn gốc từ thửa đất số 454, tờ bản đồ số 05, bản đồ 299 không vượt quá 1.492m²; Như vậy trường hợp các hộ gia đình

phân chia hạn, mức đất ở, đất trồng cây lâu năm theo tỷ lệ thì với diện tích 851,9m² thì đất ở phân chia là 747,0m²; Đất trồng cây lâu năm 104,9m².

* *Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ*: Ngày 21/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ di sản thừa kế thấy rằng thửa đất mà các bên tranh chấp có diện tích là 886,5 m², lớn hơn so với diện tích đất tạm giao theo bản án phúc thẩm số 20/2012/DSPT, ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là 34,6m². Có ranh giới tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp đất bà Trần Thị T: Có chiều dài các đoạn: Đoạn 1 dài 0,86m; đoạn 2 dài 18,81m; đoạn 3 dài 30,07m.

+ Phía Nam giáp đất gia đình ông Trần Viết Ng, Trần Viết Q, Trần Viết S có chiều dài các đoạn là: Đoạn 1 dài 7,44m; đoạn 2 dài 9,98m; đoạn 3 dài 5,88m; đoạn 04 dài 7,47m; đoạn 5 dài 1,85m; đoạn 6 dài 11,80m; đoạn 7 dài 13,13m;

+ Phía Đông giáp đường giao thông và đất của UBND xã quản lý có chiều dài các đoạn là: Đoạn 1 dài 9,53m, đoạn 2 dài 5m, đoạn 3 dài 8m.

+ Phía Tây giáp đất bà Trần Thị T có chiều dài là 11,55m.

- *Trên phần đất tạm giao cho ông Trần Viết C quản lý có các tài sản gồm*: 01 ngôi nhà cấp 04 (xây năm 2006); Nhà khung gỗ, tường xây bao gạch đỏ 110, mái lợp tôn, cửa gỗ nền láng xi măng, tường quét sơn và 01 phòng lòi xây gạch tấp lờ lợp tôn đầu nối với nhà cấp 04 (mới xây năm 2019) diện tích 65,35m², giá trị là 60.406.926đ; 01 mái che khung sắt lợp tôn (phía trước nhà), làm năm 2019, diện tích 29,57m², trị giá: 7.838.021đ; mái che phía sau nhà bép cột bằng thép, khung gỗ lợp ngói phi bờ rô, làm năm 2018, diện tích 40,32 m², trị giá: 12.125.568đ; Mái che bên hiên phía Tây Nam khung bằng thép, lợp ngói phi bờ rô, làm năm 2018, diện tích 24,82m², trị giá: 8.038.371đ; Mái che phía Đông của nhà khung bằng thép, lợp tôn, làm năm 2019, diện tích 14,22m², trị giá: 4.884.096đ; giàn khung sắt hộp, cột thép phía trước nhà làm năm 2020, diện tích 19,08 m², trị giá: 2.613.000đ; Sân láng xi măng làm năm 2006, một phần làm năm 2019, diện tích 75,29m, trị giá 1.810.00đ; Tường rào gồm 02 đoạn phía Đông và phía Nam có chiều dài 24,4m, móng 5,96m³, làm năm 2020, trị giá: 14.444.300đ; 02 trụ cổng lòi bằng bê tông cốt thép, làm năm 2020 trị giá: 9.375.000đ; nhà vệ sinh khung thép lợp tôn, diện tích 7,92m², làm năm 2019, trị giá: 5.215.680đ; 01 giếng nước phía sau nhà ông C làm năm 1976 đã hết khấu hao không định giá, 01 khung thép bên trên có 01 bồn inox đựng nước có thể di chuyển được nên không định giá, 02 ống bi đựng nước di chuyển được nên không định giá; 05 cây chuối, trong đó 01 cây đã có buồng trị giá: 80.000đ, các cây còn lại mỗi cây trị giá: 10.000đ; 01 cây khế đã cho thu hoạch trị giá 250.000đ, 01 cây Lộc vùng, 01 cây vạn Tuế, 01 cây Đào giá hỗ trợ di dời 10.000đ/cây; 01 vườn cây hoa màu trị giá: 440.000đ; 01 cây cau đã cho thu hoạch trị giá 250.000đ. Tổng giá trị tài sản (không tính cây cối) trên đất tạm

giao cho ông Trần Việt C là: 126.752.570 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi đồng)

- Trên phần đất tạm giao cho bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A quản lý có các tài sản sau: 01 ngôi nhà thờ diện tích $41,8m^2$, làm năm 2011, trị giá: 30.881.000đ; 01 sân lán xi măng diện tích $27,69m^2$, làm năm 2011, trị giá: 930.000đ; Tường rào xây bằng gạch tấp lô chiều dài 19,2m, làm năm 2011, trị giá: 3.958.120đ. Tổng giá trị tài sản trên phần đất tạm giao cho bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A quản lý là: 35.769.504 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm linh tư đồng).

* Về giá trị quyền sử dụng đất: Trên cơ sở khung giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành vào năm 2019 các đương sự đã tự thỏa thuận về giá trị tài sản có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án định giá đối với diện tích đất tranh chấp. Cụ thể: $1m^2$ đất = 512.000đ. Trị giá thửa đất $851,9m^2 \times 512.000đ/m^2 = 436.172.800đ$ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm đồng).

* Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của Ủy ban nhân dân xã T L H ông Nguyễn Đình K trình bày: Hiện tại Tòa án nhân dân huyện T đang giải quyết vụ án chia di sản thừa kế của cụ Trần Việt T để lại theo yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị N, người đại diện theo ủy quyền của bà Nhân là ông Trần Việt V. Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân xã T L H xác định diện tích mà các đồng thừa kế gồm ông Trần Việt C, bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A đang quản lý về hiện trạng sử dụng đất có tăng hơn so với diện tích đất được tạm giao theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là $34,6m^2$. Địa phương xác định phần diện tích đất tăng thêm này là do sai số trong quá trình đo đạc trước đây. Hiện tại phần đất đang tạm giao cho ông C, bà N và anh A quản lý đã được phân định ranh giới, không có việc lấn chiếm ra đất công và tranh chấp với các hộ liền kề, các đồng thừa kế được tạm giao đã sử dụng ổn định từ năm 2012 đến nay. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tạm giao phần diện tích đất tăng thêm cho các đồng thừa kế trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Anh T đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T trình bày: Quan điểm của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đối với phần diện tích đất tăng thêm $34,6m^2$ so với diện tích đất tạm giao $851,9m^2$ trong vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế này là do sai số trong quá trình đo đạc. Thửa đất này có nguồn gốc từ đất cha ông để lại và không có tranh chấp với các hộ liền kề, vì vậy đề nghị Tòa án tạm giao phần diện tích đất tăng thêm này trong quá trình phân chia di sản thừa kế. Sau này khi công dân có yêu cầu phòng Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết đối với phần diện tích đất tăng thêm này.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện quyết định:

Áp dụng Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 167, 179 và Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại.

Xác định diện tích đất 851,9m² thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 371) tại xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Trần Viết T.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại gồm 851,9m² đất (Nhưng trừ đi diện tích mở đường là 103,6m² còn lại 748,3m²) cho các đồng thừa kế gồm: Ông Trần Viết C, ông Trần Viết V, bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H1 và anh Phạm Thanh Sơn sử dụng. Cụ thể như sau:

- Chia ông Trần Viết C thửa đất có ký hiệu S1 với diện tích 203,7m². Trên phần đất này có 01 ngôi nhà cấp 04 ba gian lợp tôn;

- Chia cho bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L và chị Trần Thị Mỹ B thửa đất có ký hiệu S2 với diện tích 94,6m². Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng thừa kế bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L và chị Trần Thị Mỹ B, cụ thể giao cho bà Chu Thị N được đứng tên quản lý, sử dụng thửa đất có ký hiệu S2 với diện tích là 94,6m²;

- Chia cho anh Phạm Thanh S thửa đất có ký hiệu S3 với diện tích 150m²;

- Chia cho ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H và chị Nguyễn Thị Lệ H1 thửa đất có ký hiệu S4 với diện tích 150m²;

- Chia cho ông Trần Viết V thửa đất có ký hiệu S5 với diện tích 150m².

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng thừa kế ông Trần Viết V, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H1 và anh Phạm Thanh S, cụ thể giao cho ông Trần Viết V đứng tên quản lý, sử dụng 03 thửa đất có ký hiệu S3, S4 và S5 có diện tích: S3(150m²) + S4(150m²) + S5(150m²) = 450m². Trên phần đất này có 01 ngôi nhà thờ ba gian bằng gỗ.

- Tạm giao cho bà Chu Thị N quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng thêm có ký hiệu S7 có diện tích 15,4m². Bà N phải chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phần diện tích đất này.

- Tạm giao cho ông Trần Viết V quản lý, sử dụng phần diện tích đất tăng thêm có ký hiệu S8 có diện tích 19,2m². Ông V phải chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến phần diện tích đất này.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Phần đất chia cho các thừa kế quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo là một phần không tách rời bản án.

- Buộc ông Trần Viết C có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các công trình, tài sản, cây cối hoa màu trên phần đất được chia cho các đồng thừa kế khác và tháo dỡ một phần tường rào nằm trên phần đất mở đường. Buộc bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A và ông Trần Viết V tháo dỡ một phần tường rào nằm trên phần đất đã chia cho các đồng thừa kế khác.

Buộc ông Trần Viết C phải thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản cho bà Chu Thị N với số tiền 27.699.200đ(*Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 14/8/2020, bị đơn ông Trần Viết C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm;

Ngày 14/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn ông Trần Viết V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

Về chia di sản thừa kế không công bằng về số diện tích và giá trị của các thửa đất đề nghị Tòa án chia thừa kế diện tích đất bằng nhau theo quy định của pháp luật chứ không thanh toán giá trị chênh lệch tài sản bằng tiền. Về tính án phí các diện tích thửa đất S2, S3, S4, S5 được chia là không đúng. Đề nghị mở đường 3m trở lên và chỉ dành cho những người thừa kế phía sau sử dụng. Về phần diện tích đất S7, S8 tạm giao cho bà N, ông V đang là phần đất thuộc quyền quản lý của nhà nước mà Tòa án lại tính vào trong phần diện tích đất mở đường của các thừa kế là không đúng. Đề nghị Tòa án mở lại đường trong phần diện tích đất thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Viết C là ông Trần Huy L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết V, đồng thời là người đại diện cho

nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của BLTTDS; chấp nhận 01 phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Viết C và chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết V, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 31-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn. Nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] *Về thời hiệu khởi kiện:* Cụ Trần Viết T chết năm 1979, trước khi chết không để lại di chúc. Do các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản của cụ Túy để lại nên ngày 02/12/2019 bà Chu Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản do cụ T để lại; cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của bà N là còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, điểm b Điều 10 Nghị quyết số 02/1990/HĐTP, ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về thừa kế; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; giải đáp số 01/GĐ ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao là đúng quy định pháp luật.

[2.2] *Về nguồn gốc di sản thừa kế:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự đủ căn cứ khẳng định: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 371) tại xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại với diện tích là 851,9 m².

Căn cứ biên bản, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2020 thì thửa đất mà các đương sự có tranh chấp có diện tích là $886,5\text{m}^2$, lớn hơn so với diện tích đất tạm giao theo bản án phúc thẩm số 20/2012/DSPT ngày 21/9/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là $34,6\text{m}^2$; diện tích đất thực tế tăng lên theo quan điểm của UBND huyện T và UBND xã T L H là do sai số trong quá trình đo đạc. Quan điểm của chính quyền địa phương và các đương sự đề nghị Tòa án giao cho các đồng thừa kế quản lý trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, cần xác định phần diện tích đất thừa $34,6\text{m}^2$ cũng là di sản thừa kế do cụ Trần Viết T để lại để chia cho các đồng thừa kế.

Về giá trị quyền sử dụng đất: Căn cứ biên bản định giá ngày 21/5/2020, trên cơ sở khung giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành tại Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019, các đương sự đã tự thỏa thuận về giá trị tài sản có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án định giá đối với diện tích đất tranh chấp. Đối chiếu giá trị tài sản tranh chấp mà các bên thỏa thuận với khung giá của Nhà nước quy định thì không có sự chênh lệch. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự thỏa thuận về giá đất của các đương sự. Cụ thể, 1m^2 đất = 512.000đ. Di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại là thửa số 216, tờ bản đồ số 10, Bản đồ 371 (chính lý) tại Xóm Bình Tiến, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích theo hồ sơ quản lý $851,9\text{m}^2$; như vậy tổng trị giá diện tích đất các thừa kế được hưởng tính bằng tiền là: $851,9\text{m}^2 \times 512.000\text{đ}/\text{m}^2 = 436.172.800\text{đ}$ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm đồng). Phần diện tích đất tăng thêm $34,6\text{m}^2$ không định giá, tuy nhiên phần diện tích đất thừa này liền thửa với diện tích đất tạm giao cho các đồng thừa kế nên có căn cứ để xác định giá trị phần đất này là 512.000 đồng/ m^2 . Như vậy, phần giá trị toàn bộ thửa đất được xác định là di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại là $886,5\text{m}^2 \times 512.000 = 453.888.000\text{đ}$. Xét thấy, sự thỏa thuận về giá trị thửa đất nêu trên là tự nguyện của các đương sự, trong đó có sự tham gia của ông Trần Viết V và phù hợp với quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là có căn cứ, hợp tình hợp lý. Do đó, việc ông Trần Viết V kháng cáo yêu cầu tính toán giá trị các phần thửa đất theo giá trị khác nhau là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về diện và hàng thừa kế:

Cụ Trần Viết T có 06 người con gồm: ông Trần Viết Gi(chết năm 2001); Ông Trần Viết C, bà Trần Thị T (Chết năm 2019), ông Trần Viết N (Liệt sĩ chết năm 1968), bà Trần Thị H (Chết năm 1987) và ông Trần Viết V. Ngoài những người con trên cụ T không nhận con nuôi và cụ T không có người con riêng nào khác. Hiện tại chỉ có ông Trần Viết C và ông Trần Viết V còn sống. Năm 1968 ông Trần Viết N chết, chưa có vợ con nên miễn xét. Ông Trần Viết G (Chết năm 2001), ông G 2 người vợ, vợ đầu là bà Trần Thị T (ly hôn năm 1970) , có con là anh Trần Xuân A; có vợ hai là bà Chu Thị N và có 03 người con là Trần Viết T, Trần Thị Minh L và Trần Thị Mỹ B. Ông Giáp chết nên bà N, anh A,

anh T, chị L và chị B là người thừa kế chuyển tiếp di sản thừa kế của cụ T (được hưởng phần mà nếu ông G còn sống sẽ được hưởng); Bà Trần Thị H (chết năm 1987), bà H có chồng là ông Nguyễn Văn T và có 02 người con là Nguyễn Thị Lệ H và Nguyễn Thị Lệ H1. Bà H chết nên ông T, chị H, chị H1 là người thừa kế chuyển tiếp di sản thừa kế của cụ T (được hưởng phần mà nếu bà H còn sống sẽ được hưởng). Bà Trần Thị T (chết năm 2019) có chồng ông Phạm Tùng K (chết năm 1994) có 02 người con là Phạm Thanh S và Phạm Thị H (chết năm 2013). Anh S và chị Hồng là người thừa kế chuyển tiếp di sản thừa kế của cụ T (được hưởng phần mà nếu bà T còn sống sẽ được hưởng). Chị Phạm Thị H chết trước bà T, nay các con của chị H là Nguyễn Thị Hồng T và Nguyễn Thị Hồng Th sẽ được hưởng phần di sản nếu chị H còn sống sẽ được hưởng. Nay các con của chị H là Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Thị Hồng Th cùng chồng là Nguyễn Hồng T đã có đơn từ chối nhận di sản và có nguyện vọng nhường phần di sản được nhận này cho anh Phạm Thanh S, vì thế nên miễn xét.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã xác định các hàng thừa kế di sản của cụ Trần Viết T gồm: Ông Trần Viết C, ông Trần Viết V, bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H1 và anh Phạm Thanh S theo quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

[2.4] *Về xem xét công sức đóng góp của bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Trần Huy L không yêu cầu Tòa án tính công sức trông coi bảo quản di sản thừa kế đối với phần đất được tạm giao cho ông Trần Viết C theo bản án phúc thẩm số 20/2012/DSPT ngày 21/9/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bà Chu Thị N và anh Trần Xuân A cũng không yêu cầu Tòa án tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản trong thời gian được tạm giao quản lý, sử dụng diện tích đất này, nên cấp sơ thẩm không xem xét là đúng. Mặt khác, trên thực tế phía bị đơn được giao phần lớn diện tích đất mặt đường giao thông, có lợi thế hơn về mặt giá trị. Do đó, việc ông Trần Viết C kháng cáo yêu cầu tính toán công sức tôn tạo, bảo quản thửa đất là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] *Về cách chia:* Thửa đất tranh chấp là một khối thống nhất, không có lối đi chung. Quá trình giải quyết vụ án, tại cấp sơ thẩm thì các bên đương sự đều thống nhất ý kiến là đề nghị Tòa án mở đường trước khi chia di sản thừa kế để những người thừa kế được chia phần đất phía sau đều có lối đi, đảm bảo giá trị sử dụng của di sản thừa kế. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm Nguyên đơn bà Chu Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Viết V, anh Phạm Thanh S, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B tự nguyện thoả thuận và đề nghị chia các phần thừa kế hợp nhất thành một thửa đất và giao cho ông Trần Viết V đứng tên trên hồ sơ quản lý và bảo quản. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan phía nguyên đơn yêu cầu thửa đất được giao phải có lối vào thửa đất giáp với mặt đường chính tối thiểu 3,5 mét.

Do cụ T chết không để lại di chúc nên di sản của cụ T để lại là thửa đất có diện tích $886,5\text{m}^2$ được chia thành 05 kỷ phần theo quy định của pháp luật cho các hàng thừa kế gồm: Ông C 01 kỷ phần, ông V 01 kỷ phần, bà N, anh A, anh T, chị B, chị L 01 kỷ phần, ông T, chị H, chị H1 01 kỷ phần và anh S 01 kỷ phần. Cụ thể $886,5\text{m}^2 : 5 \text{ kỷ phần} = 177,3\text{m}^2$, trị giá mỗi kỷ phần được hưởng là $177,3\text{m}^2 \times 512.000\text{đ}/\text{m}^2 = 90.777.600\text{đ}$.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng diện tích đất thực tế là $886,5\text{m}^2$; phần đất giáp mặt đường giao thông ít và do bị đơn ông Trần Viết C đang quản lý, ông C đã xây dựng nhà ở kiên cố, căn nhà này chiếm 2/3 diện tích thửa đất mặt đường. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn và những người thừa kế phía nguyên đơn về phần đất giao chung phải có lối vào 3,5 mét sẽ ảnh hưởng đến việc phân chia di sản cho phía bị đơn và không đảm bảo được quyền lợi cho tất cả các đồng thừa kế. Do nguyên đơn và các đồng thừa kế là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn thống nhất hợp nhất nhập phần di sản thừa kế thành một thửa, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải mở đường đi vào kéo dài hết chiều dài thửa đất như quyết định của bản án sơ thẩm, mà chỉ cần giao cho nguyên đơn và các đồng thừa kế phía nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng thửa đất chung có lối vào từ mặt đường chính rộng 03 mét là đảm bảo được quyền lợi ích của các đương sự. Mặt khác do hiện trạng sử dụng đất hiện nay trên phần đất mà bị đơn đang được tạm giao quản lý, sử dụng có 01 căn nhà gỗ cấp 4 ba gian được xây dựng từ năm 2006 và các công trình trên đất. Xét thấy bị đơn ở trên mảnh đất này từ năm 1993 đến nay cũng đã hơn 20 năm, bị đơn có công trong việc bảo quản, giữ gìn di sản và hiện nay cũng không có chỗ ở nào khác, hơn nữa việc tháo dỡ, di dời ngôi nhà sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công trình cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của cả gia đình bị đơn. Vì thế đối với phần đất có các công trình kiên cố sẽ được chia cho bị đơn và để không phải tháo dỡ, di dời công trình này thì diện tích đất mà bị đơn được chia cũng nhiều hơn so với một suất thừa kế mà bị đơn được hưởng, nhưng bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch về giá trị tài sản cho đồng thừa kế được chia diện tích đất ít hơn.

Xét thấy Quyết định của bản án sơ thẩm giao phần đất thừa kế của nguyên đơn được hưởng có một phần đất đi qua góc hiên nhà của phía bị đơn, việc giao phần đất này cho phía nguyên đơn cắt góc hiên nhà của bị đơn sẽ làm ảnh hưởng đến kết cấu của ngôi nhà cũng như gây khó khăn cho quá trình sinh sống của phía gia đình bị đơn. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm ông Trần Viết V cũng đề nghị lùi phần diện tích đất được giao cho nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn không cắt qua góc hiên nhà của bị đơn. Vì vậy, cần điều chỉnh phần đất giao cho nguyên đơn và các

đồng thừa kế về phía nguyên đơn theo hướng không đi qua góc hiên nhà, nhằm đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của bị đơn.

Như vậy, cần giao cho Bị đơn ông Trần Viết C phần đất có ký hiệu S1 với diện tích là 219,5 m²; theo kỹ phần của một suất thừa kế được chia thì ông Trần Viết C được nhận nhiều hơn là 42,2m² đất nên ông C phải thanh toán cho người nhận phần thừa kế ít hơn giá trị chênh lệch tài sản. Cụ thể, ông C phải thanh toán cho bà Chu Thị N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền tương đương với giá trị phần đất nhận nhiều hơn, cụ thể $42,2\text{m}^2 \times 512.000\text{đ/m}^2 = 21.606.400\text{đ}$. Do nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn thống nhất nhập di sản thừa kế thành một khối thống nhất và giao cho ông Trần Viết V được quản lý sử dụng. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm ông Trần Viết V đề nghị trường hợp tính giá trị di sản các bên được nhận có sự chênh lệch thì ông sẽ là người nhận số tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế uỷ quyền cho ông, nên cần buộc ông Trần Viết C phải trả số tiền này cho ông Trần Viết V.

Khi xác định phần đất chia cho các đồng thừa kế có phần đất có các công trình của bị đơn đã xây dựng như: Mái che khung sắt lợp tôn phía trước sân, nhà vệ sinh, dàn khung thép phía trên có một bồn inox đựng nước, giàn khung sắt phía trước sân, mái che phía Tây Nam và một số cây cảnh và cây ăn quả, một phần tường rào của gia đình bị đơn và một phần tường rào của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn xây dựng. Xét thấy, các cây ăn quả và cây cảnh hoàn toàn có thể di dời, việc tháo dỡ các công trình này cũng không ảnh hưởng đến kết cấu ngôi nhà, cũng như không gây thiệt hại lớn cho bị đơn. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án anh Trần Huy L người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cũng đồng ý sau khi chia thừa kế bị đơn sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời các cây cối, công trình nằm trên phần đất đã chia cho các đồng thừa kế khác và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với một phần tường rào ranh giới giữa 02 thửa đất do nguyên đơn bà Chu Thị Nhân và những người có nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm anh Trần Xuân A và ông Trần Viết V xây dựng khi chia thừa kế sẽ nằm trên phần đất của các thừa kế nên buộc phải tháo dỡ để đảm bảo giá trị sử dụng cho các đồng thừa kế.

Xét nguyện vọng của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn và ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Viết V có nguyện vọng được chia thửa đất có một phần đất mặt đường để làm nhà thờ Chi tộc họ Trần Viết và giao cho ông Trần Viết V đứng tên trên hồ sơ quản lý bảo quản là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần xem xét chấp nhận. Đối với toàn bộ phần diện tích đất phía sau có ngôi nhà thờ do nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn xây dựng thì bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ

B, ông Trần Viết V, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lê H, chị Nguyễn Thị Lê H và anh Phạm Thanh S thống nhất thỏa thuận được nhận phần đất này và đề nghị chia chung thành một khối và giao cho ông Trần Viết V đứng tên quản lý, sử dụng thửa đất là hợp lý và phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm.

[3] *Về chi phí thẩm định và định giá:* Chi phí thẩm định và định giá ngày 21 tháng 5 năm 2020 với tổng số tiền là: 8.419.000đ; Số tiền này do ông Trần Viết V đã bỏ ra và ông Trần Viết V đề nghị Tòa án chia đều tiền chi phí thẩm định này cho các đồng thừa kế, còn chi phí định giá thì ai được chia tài sản thì phải chịu chi phí này. Anh Trần Huy L đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại cấp phúc thẩm đã xem xét di sản thừa kế của cụ T để lại được chia đều cho các đồng thừa kế nên các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá. Vì thế số tiền 8.419.000đ được chia đều cho 05 suất thừa kế, kỷ phần mỗi suất thừa kế phải chịu số tiền là 1.683.800đ. Tại phiên tòa ông Trần Viết V đã tự nguyện nộp toàn bộ phần chi phí thẩm định, định giá tài sản cho các đồng thừa kế gồm: Bà N, anh A, anh T, chị L, chị B, ông T, chị H, chị H1 và anh S tương ứng với số tiền $1.683.800đ \times 4 = 6.735.200đ$. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ông Trần Viết Ca phải chịu chi phí thẩm định, định giá với số tiền 1.683.800đ.

[4] *Về án phí:*

[4.1] *Về án phí sơ thẩm:* Đối với bà Chu Thị N, ông Trần Viết V ông Nguyễn Văn T tại cấp sơ thẩm có đơn xin miễn án phí; Đối với ông Trần Viết C, sinh năm 1939 là người cao tuổi thuộc trường hợp được xem xét cho miễn án phí, tại cấp phúc thẩm ông có đơn xin miễn toàn bộ án phí, nên cần xem xét miễn án phí cho bà N, ông V, ông T và ông C theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các đương sự khác phải chịu án phí chia tài sản cụ thể như sau:

+ Bà Chu Thị N, ông Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B phải liên đới chịu án phí đối án phí chia tài sản tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng. Cụ thể: $177,3m^2 \times 512.000đ/m^2 = 90.777.600đ \times 5\% = 4.538.880đ$. Trong đó mỗi người phải chịu kỷ phần án phí là 907.776 đồng. Nhưng do bà N là người cao tuổi được miễn phần án phí.

+ Ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lê H và chị Nguyễn Thị Lê H phải liên đới chịu án phí án phí chia tài sản tương ứng với phần giá trị tài sản

được hưởng. Cụ thể: $177,3\text{m}^2 \times 512.000\text{đ}/\text{m}^2 = 90.777.600\text{đ} \times 5\% = 4.538.880\text{đ}$. Trong đó mỗi người phải chịu kỷ phần án phí là 1.512.960 đồng. Nhưng do ông T là người cao tuổi được miễn phần án phí.

+ Anh Phạm Thanh S phải chịu số tiền án phí chia tài sản là $177,3\text{m}^2 \times 512.000\text{đ}/\text{m}^2 = 90.777.600\text{đ} \times 5\% = 4.538.880\text{đ}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Viết V tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí chia tài sản của các đồng thừa kế gồm: Anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H và anh Phạm Thanh S, nên cần được chấp nhận.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ của Ủy ban thường vụ Quốc hội, kháng cáo của các đương sự được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ để chấp một phần nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn; và kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 167, 179 và Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại.

2 Xác định diện tích đất 886,5m² thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 10 (bản đồ 371) tại xóm B, xã T L H, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Trần Viết T để lại gồm 886,5m² đất cho các đồng thừa kế gồm: Ông Trần Viết C, ông Trần Viết V, bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị

Nguyễn Thị Lệ H1 và anh Phạm Thanh S được quyền quản lý sử dụng. Cụ thể như sau:

2.1 Chia ông Trần Viết C thửa đất có ký hiệu S1 với diện tích 219,5m². Trên phần đất này có 01 ngôi nhà cấp 04 ba gian lợp tôn diện tích 65,35m².

2.2 Chia cho bà Chu Thị N, ông Trần Viết V, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, anh Phạm Thanh S, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H và chị Nguyễn Thị Lệ H1 thửa đất có ký hiệu S2 và S3 với diện tích 632,4m² + 34,6m² = 667m². Trên phần đất này có 01 ngôi nhà thờ diện tích 41,8 m².

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng thừa kế ông Trần Viết V, bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L, chị Trần Thị Mỹ B, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Lệ H, chị Nguyễn Thị Lệ H1 và anh Phạm Thanh S, cụ thể giao cho ông Trần Viết V đứng tên quản lý, sử dụng thửa đất S2 + S3 với diện tích 667m²;

2.3 Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Phần đất chia cho các thừa kế quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo là một phần không tách rời bản án phúc thẩm.

2.4 Buộc ông Trần Viết C có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các công trình, tài sản, cây cối hoa màu trên phần đất được chia cho các đồng thừa kế khác và tháo dỡ phần tường rào 03m từ đường chính vào thửa đất giao cho các đồng thừa kế khác. Buộc bà Chu Thị N, anh Trần Xuân A và ông Trần Viết V tháo dỡ một phần tường rào nằm trên phần đất đã chia cho các đồng thừa kế khác.

3. Buộc ông Trần Viết C phải thanh toán giá trị phân chênh lệch về tài sản cho ông Trần Viết V với số tiền 21.606.400đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm linh sáu ngàn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá ngày 21/5/2020 với số tiền 8.419.000đ. Ông Trần Viết V đã tự nguyện nộp cho các đồng thừa kế khác với số tiền 6.735.200đ. Buộc ông Trần Viết V phải trả lại cho ông Trần Viết V số tiền chi phí thẩm định, định giá của 01 suất thừa kế tương ứng với số tiền 1.683.800đ. (*Một triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn tám trăm đồng*).

5. Về án phí dân sự:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Viết V thực hiện nghĩa vụ nộp án phí cho các đồng thừa kế khác với số tiền cụ thể như sau: Anh Trần Xuân A, anh Trần Viết T, chị Trần Thị Minh L và chị Trần Thị Mỹ Bì mỗi người 907.776 đồng; Chị Nguyễn Thị Lệ H và chị Nguyễn Thị Lệ H1 mỗi người, số tiền 1.512.960 đồng và anh Phạm Thanh S số tiền 4.538.880đ. Tổng cộng là 11.195.904đồng, nhưng ông Trần Viết V được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003482, ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Nay ông Trần Viết V phải tiếp tục phải nộp số tiền còn lại là 10.895.904 đồng (*Mười triệu tám trăm chín trăm ngàn chín trăm linh tư đồng*) tiền án phí.

- Miễn án phí chia tài sản cho bà Chu Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Viết V, ông Trần Viết C.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của các đương sự được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Trần Viết V số tiền 2.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003561 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho ông Trần Viết C số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003562 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang